

Số: ~~672~~ /QĐ-DHN

Hà Nội, ngày ~~13~~ tháng 6 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ dược học đợt tháng 5 năm 2018**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI**

Căn cứ Quyết định số 828/BYT-QĐ ngày 29/9/1961 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc thành lập Trường Đại học Dược Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 224/TTg ngày 24/5/1976 của Thủ tướng Chính phủ về việc đào tạo trên đại học ở trong nước;

Căn cứ Quyết định số 1142/QĐ-DHN ngày 15/12/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội về việc ban hành Quy định về tổ chức và quản lý đào tạo thạc sĩ dược học;

Căn cứ Quyết định số 632/QĐ-DHN ngày 31/5/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội về việc thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp thạc sĩ dược học đợt tháng 5 năm 2018;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng xét tốt nghiệp thạc sĩ dược học đợt tháng 5 năm 2018 số 204/BB-DHN ngày 08/6/2018;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Sau đại học,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ dược học cho 98 học viên cao học khóa 21 (2016 – 2018), 02 học viên khóa 20 (2015 – 2017) và 02 học viên khóa 19 (2014-2016); thuộc 6 chuyên ngành trong danh sách kèm theo Quyết định này gồm:

- |                                         |             |
|-----------------------------------------|-------------|
| - Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc: | 12 học viên |
| - Dược lý và dược lâm sàng:             | 36 học viên |
| - Dược liệu - Dược học cổ truyền:       | 14 học viên |
| - Hóa sinh dược:                        | 07 học viên |
| - Kiểm nghiệm thuốc và độc chất:        | 13 học viên |
| - Tổ chức quản lý dược:                 | 20 học viên |

**Điều 2.** Học viên tốt nghiệp được giao nhiệm vụ và được hưởng quyền lợi do Nhà nước quy định đối với người có trình độ thạc sĩ kể từ ngày có Quyết định.

**Điều 3.** Các ông/bà Trưởng phòng Sau đại học, Tài chính kế toán, đơn vị có liên quan và các học viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Bộ Y tế (để b/c);
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT, SĐH.

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
**Nguyễn Thanh Bình**



**DANH SÁCH HỌC VIÊN TỐT NGHIỆP**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ DƯỢC HỌC ĐỢT THÁNG 5 NĂM 2018**

(Kèm theo QĐ số 672 /QĐ-DHN ngày 13 tháng 6 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường ĐH Dược Hà Nội)

| TT | Mã HV   | Họ và tên             | Giới | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Số, ngày<br>QĐ công<br>nhận   | Chuyên ngành                            |
|----|---------|-----------------------|------|------------|-------------|-------------------------------|-----------------------------------------|
| 1  | 1611026 | Nguyễn Quốc Công      | Nam  | 03/07/1991 | Bắc Ninh    | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Công nghệ dược phẩm<br>và Bảo chế thuốc |
| 2  | 1611049 | Nguyễn Thị Hoàn       | Nữ   | 20/10/1987 | Bắc Giang   | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Công nghệ dược phẩm<br>và Bảo chế thuốc |
| 3  | 1611058 | Trần Diễm Hương       | Nữ   | 07/01/1993 | Hưng Yên    | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Công nghệ dược phẩm<br>và Bảo chế thuốc |
| 4  | 1611061 | Nguyễn Thị Lan Hương  | Nữ   | 28/10/1989 | Thái Nguyên | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Công nghệ dược phẩm<br>và Bảo chế thuốc |
| 5  | 1611063 | Nguyễn Thị Khuyên     | Nữ   | 14/10/1992 | Thái Bình   | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Công nghệ dược phẩm<br>và Bảo chế thuốc |
| 6  | 1611079 | Nguyễn Thị Ngọc       | Nữ   | 05/05/1984 | Thái Nguyên | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Công nghệ dược phẩm<br>và Bảo chế thuốc |
| 7  | 1611081 | Cao Thị Cẩm Nhung     | Nữ   | 28/08/1992 | Quảng Bình  | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Công nghệ dược phẩm<br>và Bảo chế thuốc |
| 8  | 1611083 | Phạm Hữu Phong        | Nam  | 20/04/1985 | Hải Dương   | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Công nghệ dược phẩm<br>và Bảo chế thuốc |
| 9  | 1611088 | Phạm Thanh Quang      | Nam  | 19/07/1991 | Nam Định    | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Công nghệ dược phẩm<br>và Bảo chế thuốc |
| 10 | 1611091 | Vũ Thị Quỳnh          | Nữ   | 06/02/1992 | Hải Phòng   | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Công nghệ dược phẩm<br>và Bảo chế thuốc |
| 11 | 1611113 | Nguyễn Thị Trâm       | Nữ   | 05/09/1992 | Hải Dương   | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Công nghệ dược phẩm<br>và Bảo chế thuốc |
| 12 | 1511037 | Lê Nguyễn Thành Nam   | Nam  | 10/02/1986 | Hà Nam      | Số 924/QĐ-DHN,<br>19/10/2015  | Công nghệ dược phẩm<br>và Bảo chế thuốc |
| 13 | 1611001 | Nguyễn Thoại Bảo Anh  | Nữ   | 26/12/1991 | Cần Thơ     | Số 1057/QĐ-DHN,<br>10/11/2016 | Dược lý và Dược lâm sàng                |
| 14 | 1611003 | Nguyễn Bửu Huy        | Nam  | 09/9/1993  | An Giang    | Số 1057/QĐ-DHN,<br>10/11/2016 | Dược lý và Dược lâm sàng                |
| 15 | 1611004 | Trịnh Quang Huy       | Nam  | 13/6/1993  | Đồng Tháp   | Số 1057/QĐ-DHN,<br>10/11/2016 | Dược lý và Dược lâm sàng                |
| 16 | 1611008 | Trần Ngọc             | Nữ   | 26/8/1993  | Tây Ninh    | Số 1057/QĐ-DHN,<br>10/11/2016 | Dược lý và Dược lâm sàng                |
| 17 | 1611009 | Trương Huỳnh Kim Ngọc | Nữ   | 12/7/1990  | Cần Thơ     | Số 1057/QĐ-DHN,<br>10/11/2016 | Dược lý và Dược lâm sàng                |
| 18 | 1611022 | Lê Việt Ánh           | Nữ   | 04/03/1989 | Thanh Hóa   | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Dược lý và Dược lâm sàng                |
| 19 | 1611027 | Phạm Quốc Doanh       | Nam  | 15/07/1987 | Ninh Bình   | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Dược lý và Dược lâm sàng                |
| 20 | 1611029 | Hoàng Thị Duyên       | Nữ   | 07/06/1986 | Hưng Yên    | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Dược lý và Dược lâm sàng                |
| 21 | 1611030 | Nguyễn Văn Dũng       | Nam  | 26/12/1991 | Bắc Giang   | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Dược lý và Dược lâm sàng                |
| 22 | 1611033 | Nguyễn Thị Hồng Giang | Nữ   | 04/07/1993 | Vĩnh Phú    | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Dược lý và Dược lâm sàng                |
| 23 | 1611037 | Phạm Thu Hà           | Nữ   | 11/06/1989 | Nam Định    | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Dược lý và Dược lâm sàng                |
| 24 | 1611043 | Đỗ Thị Diệu Hằng      | Nữ   | 20/04/1989 | TT Huế      | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Dược lý và Dược lâm sàng                |
| 25 | 1611047 | Nguyễn Mai Hoa        | Nữ   | 05/10/1987 | Hà Nội      | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Dược lý và Dược lâm sàng                |



| TT | Mã HV   | Họ và tên              | Giới | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Số, ngày<br>QĐ công<br>nhân   | Chuyên ngành                      |
|----|---------|------------------------|------|------------|-------------|-------------------------------|-----------------------------------|
| 26 | 1611051 | Đỗ Thị Huê             | Nữ   | 28/10/1985 | Hà Nội      | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Dược lý và Dược lâm<br>sàng       |
| 27 | 1611052 | Lưu Quang Huy          | Nam  | 21/09/1990 | Hải Phòng   | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Dược lý và Dược lâm<br>sàng       |
| 28 | 1611053 | Đặng Thị Thanh Huyền   | Nữ   | 18/11/1987 | Hà Nội      | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Dược lý và Dược lâm<br>sàng       |
| 29 | 1611056 | Phạm Thị Diệu Huyền    | Nữ   | 09/08/1985 | Ninh Bình   | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Dược lý và Dược lâm<br>sàng       |
| 30 | 1611070 | Nguyễn Văn Linh        | Nam  | 09/05/1990 | Hưng Yên    | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Dược lý và Dược lâm<br>sàng       |
| 31 | 1611071 | Lương Văn Luân         | Nam  | 01/04/1990 | Hà Tĩnh     | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Dược lý và Dược lâm<br>sàng       |
| 32 | 1611077 | Nguyễn Thị Nga         | Nữ   | 12/12/1985 | Hà Nội      | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Dược lý và Dược lâm<br>sàng       |
| 33 | 1611082 | Trịnh Trang Nhung      | Nữ   | 05/06/1988 | Nam Định    | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Dược lý và Dược lâm<br>sàng       |
| 34 | 1611084 | Lữ Thị Mai Phương      | Nữ   | 08/08/1987 | Thanh Hóa   | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Dược lý và Dược lâm<br>sàng       |
| 35 | 1611087 | Dương Thị Phương       | Nữ   | 26/02/1986 | Thái Nguyên | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Dược lý và Dược lâm<br>sàng       |
| 36 | 1611094 | Nguyễn Trường Sơn      | Nam  | 24/10/1990 | Hà Nội      | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Dược lý và Dược lâm<br>sàng       |
| 37 | 1611096 | Lê Trọng Tâm           | Nam  | 02/07/1990 | Thanh Hóa   | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Dược lý và Dược lâm<br>sàng       |
| 38 | 1611100 | Nguyễn Thị Thắm        | Nữ   | 11/03/1991 | Hà Tĩnh     | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Dược lý và Dược lâm<br>sàng       |
| 39 | 1611101 | Trương Quyết Thắng     | Nam  | 19/06/1976 | Vĩnh Phúc   | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Dược lý và Dược lâm<br>sàng       |
| 40 | 1611103 | Phạm Huy Thông         | Nam  | 13/10/1987 | Đắc Lắc     | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Dược lý và Dược lâm<br>sàng       |
| 41 | 1611104 | Trần Thị Thơm          | Nữ   | 01/06/1981 | Bắc Ninh    | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Dược lý và Dược lâm<br>sàng       |
| 42 | 1611108 | Hồ Trọng Toàn          | Nam  | 26/07/1990 | Nghệ An     | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Dược lý và Dược lâm<br>sàng       |
| 43 | 1611111 | Nguyễn Thị Huyền Trang | Nữ   | 15/12/1988 | Hải Phòng   | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Dược lý và Dược lâm<br>sàng       |
| 44 | 1611112 | Trương Thị Hương Trâm  | Nữ   | 07/05/1987 | Hà Tĩnh     | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Dược lý và Dược lâm<br>sàng       |
| 45 | 1611114 | Nguyễn Hữu Trung       | Nam  | 16/09/1990 | Hà Tĩnh     | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Dược lý và Dược lâm<br>sàng       |
| 46 | 1611115 | Trần Thành Trung       | Nam  | 05/11/1986 | Hà Nội      | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Dược lý và Dược lâm<br>sàng       |
| 47 | 1611116 | Nguyễn Thị Tuyền       | Nữ   | 24/10/1988 | Bắc Giang   | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Dược lý và Dược lâm<br>sàng       |
| 48 | 1611118 | Nguyễn Thị Như Ý       | Nữ   | 21/10/1989 | TT Huế      | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Dược lý và Dược lâm<br>sàng       |
| 49 | 1611028 | Nguyễn Thị Dung        | Nữ   | 04/07/1992 | Hải Phòng   | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Dược liệu - Dược học<br>cổ truyền |
| 50 | 1611039 | Lê Thị Thu Hà          | Nữ   | 29/06/1978 | Hòa Bình    | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Dược liệu - Dược học<br>cổ truyền |
| 51 | 1611041 | Nguyễn Thị Hải         | Nữ   | 10/01/1988 | Thanh Hóa   | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Dược liệu - Dược học<br>cổ truyền |
| 52 | 1611042 | Đỗ Văn Hải             | Nam  | 10/10/1989 | Hưng Yên    | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Dược liệu - Dược học<br>cổ truyền |
| 53 | 1611044 | Lê Minh Hằng           | Nữ   | 02/09/1987 | Vĩnh Phúc   | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Dược liệu - Dược học<br>cổ truyền |
| 54 | 1611046 | Phạm Thị Hằng          | Nữ   | 28/09/1988 | Thái Bình   | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Dược liệu - Dược học<br>cổ truyền |



| TT | Mã HV   | Họ và tên              | Giới | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Số, ngày<br>QĐ công<br>nhận   | Chuyên ngành                      |
|----|---------|------------------------|------|------------|-------------|-------------------------------|-----------------------------------|
| 55 | 1611057 | Hoàng Sĩ Hùng          | Nam  | 02/03/1992 | Quảng Bình  | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Dược liệu - Dược học<br>cổ truyền |
| 56 | 1611068 | Lê Thanh Liêm          | Nam  | 20/04/1982 | Thái Nguyên | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Dược liệu - Dược học<br>cổ truyền |
| 57 | 1611075 | Ngô Thanh Mai          | Nữ   | 14/11/1987 | Hà Bắc      | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Dược liệu - Dược học<br>cổ truyền |
| 58 | 1611086 | Cao Hà Phương          | Nữ   | 29/04/1991 | Thanh Hóa   | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Dược liệu - Dược học<br>cổ truyền |
| 59 | 1611099 | Bùi Thị Thảo           | Nữ   | 28/12/1990 | Thái Bình   | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Dược liệu - Dược học<br>cổ truyền |
| 60 | 1611105 | Phạm Thị Thúy          | Nữ   | 19/05/1987 | Bắc Ninh    | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Dược liệu - Dược học<br>cổ truyền |
| 61 | 1611106 | Nguyễn Thị Thu Thủy    | Nữ   | 07/11/1991 | Hà Nội      | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Dược liệu - Dược học<br>cổ truyền |
| 62 | 1511009 | Nguyễn Huy Dương       | Nam  | 09/10/1989 | Nam Định    | Số 924/QĐ-DHN,<br>19/10/2015  | Dược liệu - Dược học<br>cổ truyền |
| 63 | 1611035 | Phùng Thị Hương        | Nữ   | 26/05/1987 | Vĩnh Phúc   | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Hóa sinh dược                     |
| 64 | 1611054 | Nguyễn Thị Thanh Huyền | Nữ   | 22/12/1989 | Thanh Hóa   | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Hóa sinh dược                     |
| 65 | 1611059 | Nguyễn Thị Hương       | Nữ   | 08/12/1991 | Bắc Ninh    | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Hóa sinh dược                     |
| 66 | 1611066 | Nguyễn Thị Lâm         | Nữ   | 18/10/1987 | Hưng Yên    | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Hóa sinh dược                     |
| 67 | 1611067 | Nguyễn Thị Hồng Lê     | Nữ   | 28/11/1984 | Hà Nam      | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Hóa sinh dược                     |
| 68 | 1611078 | Lê Thanh Nghị          | Nam  | 10/03/1986 | Thái Nguyên | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Hóa sinh dược                     |
| 69 | 1611092 | Trần Thị Rở            | Nữ   | 23/10/1978 | Vĩnh Long   | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Hóa sinh dược                     |
| 70 | 1611015 | Đào Tú Anh             | Nam  | 22/02/1993 | Lào Cai     | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Kiểm nghiệm thuốc và<br>Độc chất  |
| 71 | 1611021 | Nguyễn Thị Việt Ái     | Nữ   | 25/03/1985 | Bắc Cạn     | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Kiểm nghiệm thuốc và<br>Độc chất  |
| 72 | 1611025 | Thái Khoa Bảo Châu     | Nữ   | 11/10/1992 | TT Huế      | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Kiểm nghiệm thuốc và<br>Độc chất  |
| 73 | 1611045 | Nguyễn Thị Hằng        | Nữ   | 01/11/1987 | Nam Định    | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Kiểm nghiệm thuốc và<br>Độc chất  |
| 74 | 1611048 | Trần Lệ Hoa            | Nữ   | 31/03/1988 | Yên Bái     | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Kiểm nghiệm thuốc và<br>Độc chất  |
| 75 | 1611055 | Nguyễn Thị Thanh Huyền | Nữ   | 05/06/1987 | Hòa Bình    | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Kiểm nghiệm thuốc và<br>Độc chất  |
| 76 | 1611060 | Nguyễn Mai Hương       | Nữ   | 10/12/1991 | Thái Bình   | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Kiểm nghiệm thuốc và<br>Độc chất  |
| 77 | 1611064 | Mã Vân Kiều            | Nữ   | 14/07/1987 | Bắc Cạn     | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Kiểm nghiệm thuốc và<br>Độc chất  |
| 78 | 1611069 | Lê Thị Liên            | Nữ   | 06/03/1992 | Thanh Hóa   | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Kiểm nghiệm thuốc và<br>Độc chất  |
| 79 | 1611073 | Nguyễn Thị Mai         | Nữ   | 09/12/1988 | Bắc Giang   | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Kiểm nghiệm thuốc và<br>Độc chất  |
| 80 | 1611089 | Phạm Văn Quang         | Nam  | 16/09/1988 | Thanh Hóa   | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Kiểm nghiệm thuốc và<br>Độc chất  |
| 81 | 1611097 | Đồng Văn Thành         | Nam  | 30/05/1990 | Sơn La      | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Kiểm nghiệm thuốc và<br>Độc chất  |
| 82 | 1611110 | Đoàn Thị Trang         | Nữ   | 13/11/1989 | Hà Nội      | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Kiểm nghiệm thuốc và<br>Độc chất  |
| 83 | 1611002 | Lê Thiện Chí           | Nam  | 21/11/1992 | Vĩnh Long   | Số 1057/QĐ-DHN,<br>10/11/2016 | Tổ chức quản lý dược              |



| TT  | Mã HV   | Họ và tên                        | Giới | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Số, ngày<br>QĐ công<br>nhận   | Chuyên ngành         |
|-----|---------|----------------------------------|------|------------|------------|-------------------------------|----------------------|
| 84  | 1611005 | Phạm Duy              Lâm        | Nam  | 19/11/1992 | Cần Thơ    | Số 1057/QĐ-DHN,<br>10/11/2016 | Tổ chức quản lý dược |
| 85  | 1611006 | Nguyễn Thị Diệu      Linh        | Nữ   | 13/8/1992  | Hà Tĩnh    | Số 1057/QĐ-DHN,<br>10/11/2016 | Tổ chức quản lý dược |
| 86  | 1611010 | Trần Ngọc Trúc      Phương       | Nữ   | 01/01/1985 | Trà Vinh   | Số 1057/QĐ-DHN,<br>10/11/2016 | Tổ chức quản lý dược |
| 87  | 1611011 | Đặng Thanh              Thiện    | Nam  | 19/11/1992 | Đồng Tháp  | Số 1057/QĐ-DHN,<br>10/11/2016 | Tổ chức quản lý dược |
| 88  | 1611012 | Nguyễn Thị Hải      Yến          | Nữ   | 17/7/1991  | Đắc Lắc    | Số 1057/QĐ-DHN,<br>10/11/2016 | Tổ chức quản lý dược |
| 89  | 1611018 | Nguyễn Hoàng Lan    Anh          | Nữ   | 14/05/1986 | Quảng Trị  | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Tổ chức quản lý dược |
| 90  | 1611020 | Điều Huy Quân      Anh           | Nam  | 11/07/1990 | Hà Nội     | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Tổ chức quản lý dược |
| 91  | 1611023 | Đào Văn                  Bang    | Nam  | 11/02/1984 | Hà Nội     | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Tổ chức quản lý dược |
| 92  | 1611038 | Nguyễn Thị Hồng      Hà          | Nữ   | 03/10/1974 | Hải Phòng  | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Tổ chức quản lý dược |
| 93  | 1611040 | Nguyễn Thị Nhị      Hào          | Nữ   | 26/02/1993 | Quảng Ninh | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Tổ chức quản lý dược |
| 94  | 1611050 | Đặng Văn                  Hoàng  | Nam  | 19/03/1989 | Hưng Yên   | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Tổ chức quản lý dược |
| 95  | 1611072 | Lê Thị Tuyết          Mai        | Nữ   | 16/11/1983 | Hưng Yên   | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Tổ chức quản lý dược |
| 96  | 1611074 | Bùi Thị Thanh          Mai       | Nữ   | 02/03/1985 | Hà Nội     | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Tổ chức quản lý dược |
| 97  | 1611080 | Nguyễn Thị              Nhân     | Nữ   | 14/09/1985 | Hải Dương  | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Tổ chức quản lý dược |
| 98  | 1611098 | Nguyễn Thanh          Thảo       | Nữ   | 21/05/1988 | Quảng Nam  | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Tổ chức quản lý dược |
| 99  | 1611107 | Nguyễn Duy              Thực     | Nam  | 16/09/1990 | Bắc Giang  | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Tổ chức quản lý dược |
| 100 | 1611120 | Thatsadalin Lapphavong           | Nữ   | 24/08/1993 | Lào        | Số 1012/QĐ-DHN,<br>26/10/2016 | Tổ chức quản lý dược |
| 101 | 1411036 | Đỗ Thị                      Hồng | Nữ   | 17/9/1984  | Hà Nội     | Số 967/QĐ-DHN,<br>27/10/2014  | Tổ chức quản lý dược |
| 102 | 1411072 | Vũ Hoàng                  Thành  | Nam  | 13/9/1988  | Vĩnh Phúc  | Số 967/QĐ-DHN,<br>27/10/2014  | Tổ chức quản lý dược |

Danh sách có 102 học viên, gồm 4 trang